

Bản án số: 12/2023/KDTM - ST

Ngày: 25/5/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Nguyễn Kiên Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T.

Trụ sở: Khu tái định cư, khu vực K, phường H, thị xã N, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thanh H - Là đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 20/10/2022.

(có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H

Trụ sở: Tầng 5, Tòa nhà S, số 62A đường T, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành V.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty TNHH Xây Dựng - Tổng Hợp - Dịch Vụ T có ông Phạm Thanh H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/3/2021, Công ty TNHH Xây Dựng - Tổng Hợp - Dịch Vụ T (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển H (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng kinh tế số 07-03/2021/HĐKT/NH-TT về việc sản xuất và thi công rải thảm bê tông nhựa hạng mục công trình tại đường Nội bộ Khu C, tại xã L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Theo đó, nguyên đơn nhận sản xuất và cung cấp bê tông nhựa C19 và thi công trải thảm bê tông nhựa cho công trình của bị đơn. Thời gian thực hiện là từ ngày 26/3/2021

đến ngày 10/4/2021. Khối lượng, đơn giá được quy định tại Điều 5 của hợp đồng. Tổng giá trị của hợp đồng (tạm tính) là 2.240.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành thi công. Và ngày 05/4/2021 đại diện hai bên công ty đã nghiệm thu, thống nhất và ký xác nhận vào Biên bản xác nhận khối lượng thực tế thi công hiện trường. Theo đó, tổng giá trị khối lượng thực tế các hạng mục đã thi công hoàn thành là 1.338.400.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Vệ sinh thổi bụi, tưới nhựa thấm bảm nền đường tiêu chuẩn 1.0kg/m², sản xuất bê tông nhựa C19, vận chuyển đến chân công trình và thi công trải thảm hoàn thiện dày 7cm. Khối lượng thực hiện là 4.580 m² x 280.000 đồng/ m² = 1.282.400.000 đồng.

- Vệ sinh thổi bụi, tưới nhựa thấm bảm nền đường tiêu chuẩn 1.0kg/m², sản xuất bê tông nhựa C19, vận chuyển đến chân công trình và thi công trải thảm hoàn thiện dày 14 cm (phát sinh). Khối lượng thực hiện là 100 m² x 560.000 đồng/ m² = 56.000.000 đồng.

Căn cứ theo khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng quy định:

“Điều 6: Tạm ứng, thanh toán và hình thức thanh toán hợp đồng:

6.2 Thanh toán: Sau khi bên B thi công hoàn thiện công trình không quá 15 ngày, bên A ký xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện đã thi công cho bên A và đồng thời thực hiện nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị mà bên B đã thực hiện thi công cho bên A...”

Theo đó nhiều lần nguyên đơn yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thực hiện mà né tránh.

Căn cứ theo khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng quy định:

“Điều 7: Quyền và trách nhiệm bên A:

7.4 ... Sau 45 ngày mà bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại thì bên A áp dụng tính lãi suất 2%/tháng đối với khoản chậm trả.”

Từ các lý do trên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 05/10/2022 là 1.766.000.000 đồng, trong đó:

- Tiền gốc là: 1.338.400.000 đồng
- Tiền lãi tạm tính là: 428.000.000 (tính từ ngày 05/6/2021 đến ngày 05/10/2022 là 16 tháng x 1,5%/tháng x 1.338.400.000 đồng = 428.000.000 đồng)

Thực hiện trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có ông Nguyễn Thành V là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng đại diện Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 1.338.400.000 đồng.

Về tiền lãi: Trên tinh thần hợp tác, chia sẻ khó khăn với bị đơn nên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi suất trên số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,33%/tháng (tương đương 16%/năm), cụ thể:

Tiền lãi từ ngày 05/6/2021 đến ngày 25/5/2023: 1.338.400.000 đồng x 23 tháng 20 ngày x 1,33%/tháng = 421.283.707 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán là 1.759.683.707 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền của Tòa án:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T và bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có ký kết hợp đồng kinh tế số 07-03/2021/HĐKT/NH-TT ngày 25/3/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do các bên phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền gốc và lãi phát sinh. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có trụ sở chính tại địa chỉ Tầng 5, Tòa nhà S, 62A đường T, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có ông Nguyễn Thành V là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng số 07-03/2021/HĐKT/NH-TT ngày 25/3/2021.

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc 1.338.400.000 đồng:

Căn cứ hợp đồng số 07-03/2021/HĐKT/NH-TT ngày 25/3/2021 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T và bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H thì nguyên đơn sẽ sản xuất và thi công rải thảm bê tông nhựa cho bị đơn tại nội bộ khu C, có địa chỉ tại xã L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Thời gian thực hiện từ ngày 26/3/2021 đến ngày 10/4/2021.

Căn cứ Biên bản xác nhận khối lượng thực tế thi công hiện trường ngày 05/4/2021 có xác nhận của đại diện nguyên đơn và bị đơn thì tổng khối lượng công việc mà nguyên đơn đã thực hiện cho bị đơn có giá trị là 1.338.400.000 đồng (đã bao gồm 10% VAT).

Ngày 08/4/2021 và 04/5/2021, nguyên đơn có gửi công văn chi tiết yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.338.400.000 đồng trên tuy nhiên bị đơn không thực hiện việc thanh toán. Đến ngày 28/01/2022, bị đơn mới gửi cho nguyên đơn công văn số 2801/022/NHC-TT, theo đó bị đơn cho rằng đang gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối tài chính nên cam kết sẽ thanh toán công nợ chậm nhất vào ngày 31/3/2022. Đến ngày 05/4/2022, bị đơn tiếp tục gửi công văn số 0504/022/NHC-TT về việc không thực hiện việc thanh toán đúng hạn ngày 31/3/2022 và xin hẹn lại thời gian thanh toán vào ngày 20/5/2022. Tuy nhiên đến ngày 20/5/2022 bị đơn vẫn không thực hiện việc thanh toán. Như vậy, có cơ sở để xác định rằng bị đơn không có ý kiến phản đối với số tiền nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu mà chỉ đề nghị xin được gia hạn thời gian thanh toán do có khó khăn trong việc cân đối tài chính. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng 07-03/2021/HĐKT/NH-TT ngày 25/3/2021 là 1.338.400.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh:

Căn cứ theo khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng quy định “Thanh toán: Sau khi bên B thi công hoàn thiện công trình không quá 15 ngày, bên A ký xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện đã thi công cho bên A và đồng thời thực hiện nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị mà bên B đã thực hiện thi công cho bên A...”

Khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng quy định “... Sau 45 ngày mà bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại thì bên A áp dụng tính lãi suất 2%/tháng đối với khoản chậm trả”

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ công văn số 293/CV-CN3 ngày 14/3/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3 thì khoản vay trung, dài hạn của khách hàng doanh nghiệp là 13%/năm; Căn cứ công văn số 346/BIDV.BNE-QLRR ngày 23/5/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé thì khoản vay trung, dài hạn của khách hàng doanh nghiệp là 10,3%/năm đến 13%/năm; Căn cứ Thông báo lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngày 27/10/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì khoản vay trung, dài hạn của khách hàng doanh nghiệp là 12%/năm.

Xét, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất do chậm thanh toán là 1,33%/tháng (16%/năm) tính từ ngày 05/6/2021 đến ngày xét xử 25/5/2023 số tiền là 421.283.707 đồng (1.338.400.000 đồng x 23 tháng 20 ngày x 1,33%/tháng = 421.283.707 đồng) là phù hợp với các qui định đã viện dẫn ở trên nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp –

Dịch vụ T là 1.759.683.707 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc 1.338.400.000 đồng và nợ lãi 421.283.707 đồng. Thực hiện trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 64.790.511 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 07-03/2021/HĐKT/NH-TT ngày 25/3/2021 là 1.759.683.707 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc 1.338.400.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) và nợ lãi 421.283.707 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H phải chịu án phí là 64.790.511 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn năm trăm mười một đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.490.000 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007734 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Xây dựng - Tổng hợp - Dịch vụ T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND TP HCM
- VKSND QA TPHCM
- Chi cục THA Dân sự Q.A
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tình Duyên